

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Lê Sinh ngày 10 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3884/TTr-CCBVMT ngày 14 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Lê Sinh, địa chỉ trụ sở chính tại số 1712 D, khu phố Phước Thái, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu du lịch sinh thái Hồ Nam tại phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu du lịch sinh thái Hồ Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3701751017, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 17 tháng 6 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4. Mã số thuế: 3701751017

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, hình thành với mục đích cho thuê nghỉ dưỡng.

1.6. Công văn số 2427/UBND-KTTH ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bố trí địa điểm đầu tư Khu du lịch sinh thái và Công văn số 760/UBND-KTTH ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc mở rộng diện tích Khu du lịch sinh thái Hồ Nam.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất sử dụng 129.335,9m²

1.7.2. Quy mô, công suất:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: 162 căn biệt thự du lịch (03 tầng); khu thương mại, nhà hàng hội nghị - TMDV1 (07 tầng); khu khách sạn, thương mại dịch vụ - TMDV 2 (10 tầng); khu nhà hàng thủy tạ - TMDV 3 (02 tầng); khu thương mại dịch vụ - TMDV 4 (05 tầng). Quy mô dân số 956 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Lê Sinh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Lê Sinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo

đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Khu du lịch sinh thái Hồ Nam tại phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Lê Sinh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Lê Sinh;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Thái Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Thanh tra Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, M.Trung6.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu biệt thự du lịch với lưu lượng khoảng 71,6 m³.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu thương mại, nhà hàng hội nghị - TMDV1 với lưu lượng khoảng 57,5 m³.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu khách sạn, thương mại dịch vụ - TMDV 2 với lưu lượng khoảng 89,4 m³.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu nhà hàng thủy tạ - TMDV 3 với lưu lượng khoảng 13,5 m³.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu thương mại dịch vụ - TMDV 4 với lưu lượng khoảng 23 m³.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Hồ Đá phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, sau đó chảy vào suối Cái, cuối cùng chảy ra sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga thoát nước mưa hiện hữu (P.95) thuộc tuyến cống BTCT D800mm trên đường ĐT.747B nằm ngoài ranh Dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1.216.949,07$; $Y(m) = 608.376,67$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 255 m³/ngày.đêm (trung bình 10,6 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, $K=1,0$) được bơm dẫn bằng tuyến ống HDPE D90mm, dài 226m dọc theo đường số 1 (trong ranh Dự án) => Hố ga quan trắc (ngoài ranh Dự án) => Ống HDPE D300mm, dài 8,95m => Hố ga P.95 thuộc tuyến

cống thoát nước BTCT D800mm, dài 575,74m trên đường ĐT.747B (theo Công văn số 4361/SGTVT-QLĐT ngày 21/11/2023 của Sở Giao thông vận tải) => Suối Hổ Đá => Suối Cái => Sông Đồng Nai.

- Hình thức xả: Nước thải sau xử lý được bơm từ máng đo lưu lượng của công trình xử lý nước thải => Hồ ga quan trắc => Tự chảy vào Hồ ga P.95 trên đường ĐT.747B => Nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu biệt thự du lịch => Đường ống uPVC DN150mm, HDPE D40mm, D50mm, D200mm, D300mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu thương mại,

nhà hàng hội nghị - TMDV1 => Đường ống uPVC DN2000mm, HDPE300mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu khách sạn, thương mại dịch vụ - TMDV 2 => Đường ống uPVC DN150mm, HDPE D300mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu nhà hàng thủy tạ - TMDV 3 => Đường ống uPVC DN50mm, HDPE D50mm, D300mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu thương mại dịch vụ - TMDV 4 => Đường ống uPVC DN150mm, HDPE D200mm, D300mm => Công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Giỏ lược rác => Bể thu gom => Bể tách mỡ => Bể điều hòa => Bể sinh học thiếu khí => Bể sinh học hiếu khí (có giá thể di động) => Bể lắng sinh học => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Máng đo lưu lượng => Tuyến ống HDPE D90mm, dài 226m => Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 255 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng (*mật rỉ đường*), Javen, Soda (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này*).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (*nếu có*) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Lắp đặt thiết bị tương ứng với công suất thiết kế trạm xử lý nước thải, tránh trường hợp quá tải; vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Tăng cường công suất máy thổi khí (*bố trí máy dự phòng*) của bể hiếu khí khi có sự cố; bổ sung vi sinh cho các bể sinh học. Lắp đặt đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hoà không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian lưu chứa. Trường hợp sự cố chưa được khắc phục trong ngày, Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu từ ngày 02 tháng 01 năm 2026 đến ngày 09 tháng 4 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (*tại bể thu gom*), tọa độ: X (m) = 1.216.819,61; Y (m) = 608.549,74 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*).

- Mẫu đầu ra sau công trình xử lý nước thải (*tại hố ga quan trắc*), tọa độ: X(m)

= 1.216.945,88; Y(m) = 608.380,34 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại Bể thu gom và 03 mẫu nước thải đầu ra tại mương quan trắc trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Xây dựng điểm quan trắc nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Thường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về

chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

+ Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: Lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (*nếu có*); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ bể thu gom, bể điều hòa, bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí (*có giá thể di động*), bể lắng của công trình xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện số 01 công suất 500kVA đặt tại tầng hầm 1 của khu thương mại, nhà hàng hội nghị - TMDV1.
- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện số 02 công suất 500kVA đặt tại tầng 1 của khu khách sạn, thương mại dịch vụ - TMDV 2.
- Nguồn số 04: Khí thải từ máy phát điện số 03 công suất 500kVA đặt tại tầng hầm 1 của khu thương mại dịch vụ - TMDV 4.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m)=1.216.849,73; Y(m) = 608.578,77 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*).

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Toạ độ (<i>Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°</i>)
1	Nguồn số 01	Dòng khí thải số 01	Tại ống thải của công trình xử lý khí thải (<i>mùi hôi</i>) phát sinh từ công trình xử lý nước thải	X(m) = 1.216.849,73 Y(m) = 608.578,77
2	Nguồn số 02 (*)	Dòng khí thải số 02 (**)	Tại ống thải của máy phát điện số 01 của khu thương mại, nhà hàng hội nghị - TMDV1	X (m) = 1.216.944,75 Y (m) = 608.547,15
3	Nguồn số 03 (*)	Dòng khí thải số 03 (**)	Tại ống thải của máy phát điện số 02 khu khách sạn, thương mại dịch vụ - TMDV 2	X (m) = 1.216.823,34 Y (m) = 608.645,90

4	Nguồn số 04 (*)	Dòng khí thải số 04 (**)	Tại ống thải của máy phát điện số 03 của khu thương mại dịch vụ - TMDV 4	X (m) = 1.216.963,69 Y (m) = 608.470,612
---	-----------------	--------------------------	--	---

Ghi chú:

- (*): Các nguồn thải không thuộc đối tượng cấp phép.

- (**): Các dòng thải không thuộc đối tượng cấp phép.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Dòng khí thải số 01 với lưu lượng xả khí thải lớn nhất 750 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục (24 giờ). Riêng dòng khí thải số 02, 03, 04 chỉ xả khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	6	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	40		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về công trình xử lý:

Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ bể thu gom, bể điều hòa, bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí (có giá thể di động), bể lắng của công trình xử lý nước thải có thành phần chủ yếu là H₂S, NH₃, CH₃SH được thu bằng quạt hút công suất 750 m³/giờ qua các đường ống dẫn (uPVC DN100mm) về công trình xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi hôi) => Hệ thống ống dẫn (uPVC DN100mm) => Quạt hút (lưu lượng 750 m³/giờ, 2.625Pa) => Tháp hấp phụ than

hoạt tính (hình trụ, đường kính 0,6m, chiều cao 1,4m, 02 tầng: 01 tầng bố trí hạt hút ẩm (01 lớp với bề dày 100mm), 01 tầng bố trí than hoạt tính (01 lớp với bề dày 300mm)) => Ống phát thải (ống uPVC DN100mm, chiều cao 5,45m tính từ bề mặt của công trình xử lý nước thải).

- Chế độ vận hành: Liên tục (24 giờ).

- Công suất thiết kế: 750 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Than hoạt tính với khối lượng 332 kg/năm, tần suất thay 06 lần/năm (02 tháng/lần).

+ Hạt hút ẩm (vật liệu *Silica gel*) với khối lượng 178,1 kg/năm, tần suất thay 06 lần/năm (02 tháng/lần).

- Số lượng ống thải: 01.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành công trình, kiểm tra toàn bộ công trình để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu từ ngày 02 tháng 01 năm 2026 đến ngày 09 tháng 4 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ: X(m) = 1.216.849,73, Y(m) = 608.578,77 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải (mùi hôi)).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu

tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi)).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3.7. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động thu gom, lưu giữ rác.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực công trình xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).
- Nguồn số 02: Máy phát điện số 01 công suất 500kVA đặt tại tầng hầm 1 của khu thương mại, nhà hàng hội nghị - TMDV1.
- Nguồn số 03: Máy phát điện số 02 công suất 500kVA đặt tại tầng 1 của khu khách sạn, thương mại dịch vụ - TMDV 2.
- Nguồn số 04: Máy phát điện số 03 công suất 500kVA đặt tại tầng hầm 1 của khu thương mại dịch vụ - TMDV 4.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Nguồn phát sinh	Toạ độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)
1	Nguồn số 01	X(m) = 1.216.849,73; Y(m) = 608.578,77
2	Nguồn số 02	X (m) = 1.216.944,75; Y (m) = 608.547,15
3	Nguồn số 03	X (m) = 1.216.823,34; Y (m) = 608.645,90
4	Nguồn số 04	X (m) = 1.216.963,69; Y (m) = 608.470,612

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ(dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan	Ghi chú
----	--	---------------	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	trắc định kỳ	
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án; giới hạn tốc độ di chuyển của các phương tiện giao thông, hạn chế bóp còi trong khu vực Dự án để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt máy phát điện gổì lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	105	Rắn	16 01 06	NH
2	Dầu, nhớt, mỡ thải	190	Lỏng	16 01 08	NH
3	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	143	Rắn/ lỏng	16 01 09	KS
4	Chất tẩy rửa có chứa thành phần nguy hại	114	Lỏng	16 01 10	KS
5	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	360	Rắn	16 01 13	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	150	Rắn	18 01 01	KS
7	Bao bì kim loại (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	189	Rắn	18 01 02	KS
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là chất thải nguy hại) thải	190	Rắn	18 01 03	KS
9	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	174	Rắn	18 02 01	KS
10	Pin, ắc quy chì thải	130	Rắn	19 06 01	NH

11	Than hoạt tính thải bỏ	332	Rắn	19 12 03	KS
Tổng khối lượng		2.077			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn từ công trình xử lý nước thải	12 06 10	29.930
2	Dầu, mỡ thải từ bể tách dầu, mỡ	12 06 11	6.288,95
3	Bùn từ bể tự hoại	-	89.743,5
4	Bùn nạo vét cống thoát nước mưa, nước thải	-	35.649
5	Hạt hút ẩm	-	178,1
Tổng khối lượng			161.789,55

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa,...*); chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 956 kg/ngày, cụ thể như sau:

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 11 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong Dự án:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 10m² (*đặt tại công trình xử lý nước thải*).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường ốp gạch bao xung quanh; nền gạch chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa...*) theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn, thể tích 17,50m³. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định; tần suất thu gom: 06 tháng/lần.

- Trang bị 01 thùng chứa màu cam loại 240 lít có nắp đậy (*đặt tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt*) để lưu chứa dầu, mỡ thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định; tần suất thu gom: 01 tuần/lần.

- Bùn thải từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; tần suất thu gom tùy vào tính chất loại công trình.

- Bùn nạo vét cống thoát nước mưa, nước thải sẽ được đơn vị có chức năng thu gom trong lúc nạo vét; tần suất nạo vét: 01 năm/lần.

- Trang bị 01 thùng chứa màu đỏ loại 120 lít có nắp đậy (*đặt tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt*) để lưu chứa hạt hút ẩm thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định; tần suất thu gom: Theo tần suất thu gom của than hoạt tính.

2.2.2. Kho lưu chứa: Bố trí cùng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung (*đặt tại công trình xử lý nước thải*).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng chứa màu xanh loại 660 lít có nắp đậy chứa chất thải thực phẩm, 02 thùng chứa màu xám loại 660 lít có nắp đậy chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu vàng loại 660 lít có nắp đậy chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 15m² (*đặt tại công trình xử lý nước thải*).

- Thiết kế, cấu tạo kho: Được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, khung sắt, vỉ kè, nền đổ bê tông, có cửa ra vào.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Xây dựng quy định quản lý khu du lịch; hướng dẫn các du khách thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*), phân loại chất thải nguy hại; Chủ đầu tư sẽ trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác để lưu giữ chất thải sau phân loại. Đối với khu biệt thự, nhân viên vệ sinh sẽ mang chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại chuyển giao trực tiếp cho đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý. Đối với 04 khu thương mại dịch vụ, hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về kho lưu chứa tập trung và đơn vị có chức năng sẽ định kỳ thu gom 02 lần/ngày.

- Đối với dầu, mỡ thải sau khi được vớt từ bể tách dầu mỡ sẽ được lưu chứa

trong thùng tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với chất thải nguy hại sau khi đã phân loại, du khách, người dân, nhân viên dọn vệ sinh sẽ tự mang đến kho lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí tại kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi dự án; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án *(theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định)*, đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.

5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Cam kết đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Dự án *(hạ tầng giao thông, thoát nước, khu vực lưu giữ chất thải tại từng tầng và khu vực lưu giữ tập trung, các cụm Bể xử lý nước thải sơ bộ...)* đáp ứng khi Dự án đi vào hoạt động ổn định.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.